TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/HC-ST
Ngày: 05/9/2017
V/v: Khiếu kiện Quyết định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 11/2015/TLST-HC ngày 21 tháng 4 năm 2015 về việc: "Khiếu kiện quyết định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXXST-HC ngày 24 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST-HC ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Anh Võ Văn S, sinh năm 1974.

Trú tại: số nhà 739, tổ 4, ấp 7, xã B, huyện L, Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đỗ Đức C, sinh năm 1949.Trú tại: Số 1178, tổ 3, ấp Suối Quýt, xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2015) (có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: số 01, Lê Hồng Phong, khu Phước Hải, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Tấn Hưng – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 4791/UQ-UBND ngày 09/8/2016) (vắng mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L.

Địa chỉ: Tổ 17, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Thanh Bình – Phó giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L. Là người đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2015 (vắng mặt).

2. Công ty cổ phần môi trường T.(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 7, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

3. Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1935 (vắng mặt).

5. Cháu Võ Quốc C, sinh năm 1996 (vắng mặt).

6. Cháu Võ Quốc Đ, sinh năm 1998 (vắng mặt).

7.Cháu Võ Quốc B, sinh ngày 14/9/2004 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho cháu Bảo: anh Võ Văn S và chị Huỳnh Thị H (cha mẹ của cháu Bảo), (vắng mặt)

Đồng trú tại: số nhà 739, tổ 4, ấp 7, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 3 năm 2015, bổ sung ngày 03 tháng 4 năm 2015 của người khởi kiện anh Võ Văn S và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do ông Đỗ Đức C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Anh S canh tác diện tích 8.563 m^2 do Ban quản lý rừng phòng hộ L quản lý, nguồn gốc đất do bà H mẹ anh S nhận chuyển nhượng từ hợp đồng giao khoán số 167/HĐK ngày 03/6/1995 do ông T đứng tên vào năm 1997 sau đó giao lại cho anh S quản lý. Anh S chỉ tranh chấp về tiền hỗ trợ còn tiền bồi thường cây trồng và đất anh S không có ý kiến.

Ngày 31/12/2014 anh S nhận được quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND huyện L về việc hỗ trợ cho hộ anh Võ Văn S số tiền số 256.890.000 đồng cho diện tích đất 8.563 m^2, anh S đã nhận tiền hỗ trợ trên và ký bàn giao mặt bằng nhưng do việc hỗ trợ trên là chưa thỏa đáng, nên ngày 20/3/2015 anh S có đơn khởi kiện yêu cầu UBND huyện L phải hủy quyết định số 3018/2010/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND huyện L, đến ngày 03/4/2015 anh S có đơn bổ sung đề nghị căn cứ quyết định số 20/2010/QĐ-

UBND ngày 05/4/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai bồi thường thêm cho anh S số tiền 926.015.000 đồng; bao gồm:

1.Hỗ trợ 25% diện tích đất bị thu hồi 8.563m^2 tương đương: 8.563m^2 x 15.000đồng/m^2(25%) = 128.445.000 đồng.

2.Trợ cấp gạo theo điểm a khoản 1 điều 5 Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai là 30kg gạo cho 1 nhân khẩu trong 6 tháng, hộ anh S có 7 khẩu, tương đương với số tiền 7 khẩu x 30kg/tháng x 6 tháng = 1.260kg x 15.000 đồng/kg = 18.900.000 đồng.

3.Thưởng chấp hành tốt việc thu hồi đất theo quy định tại điều 14 quyết định số 20/2010/QĐ-UBND là 8.000.000 đồng.

4.Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 7 Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND là 1,5 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi thực tế là 8.563m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 770.670.000 đồng.

Đối với quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND huyện L và quyết định 1809/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 anh S đã nhận ngày 10/6/2016 nhưng anh S không có ý kiến gì về các quyết định này. Tuy nhiên anh đề nghị Tòa xem xét hủy Quyết định 1809/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 vì UBND huyện L phải là người phải hỗ trợ thêm 25% cho dân không phải chủ đầu tư là Công ty TNHH T.

Tại phiên tòa ông C trình bày: ông rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền yêu cầu hỗ trợ thêm 25% số tiền 128.445.000 đồng và tiền trợ cấp gạo 18.900.000 đồng, giữ nguyên yêu cầu hủy quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND huyện L và xét hỗ trợ tiền thưởng chấp hành tốt và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tổng số tiền là 778.670.000 đồng. Bổ sung yêu cầu hủy quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 và quyết định 1809/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của UBND huyện L.

Tại bản tường trình ngày 24/6/2015, ngày 05/4/2016, ngày 24/5/2016 của ông Trịnh Tiến Hưng – Phó Giám đốc Trung tâm quỹ đất huyện L và bản giải trình ngày 14/3/2016 và lời khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại ngày 6/9/2016, bản tường trình ngày 4/5/2007 của ông Nguyễn Tấn Hưng – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L là những người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện L trình bày:

Vào ngày 18/11/2011 UBND tỉnh Đồng Nai đã có quyết định số 3071/QĐ-UBND về việc giao đất cho Công ty TNHH T thực hiện dự án Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã B huyện L. Quyết định đã thu hồi 101.757,0m^2 đất tại xã B giao cho Công ty TNHH T thực hiện dự án.

Ngày 07/10/2010, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L phối hợp UBND xã B và Công ty TNHH T là chủ đầu tư tiến hành kiểm kê phần tài sản, cây trồng trên thửa đất số 407b với diện tích thu hồi 8.563m^2 đất do Ban quản lý rừng phòng hộ L quản lý, người trực tiếp canh tác trên đất là anh Võ Văn S.

Ngày 27/12/2010 UBND xã B xác nhận thửa đất số 407b diện tích 8.563m^2 do Ban quản lý rừng phòng hộ L quản lý. Đất giao khoán cho ông T theo hợp đồng giao khoán số 167 ký năm 1995; ông Bình chuyển nhượng hợp đồng giao khoán cho anh Võ Văn S được Ban quản lý rừng phòng hộ L kiểm tra và chấp thuận tại biên bản làm việc ngày 16/5/2003. Đất sử dụng ổn định không tranh chấp và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L thẩm tra và thống nhất nội dung xác nhận của UBND xã B.

Căn cứ Điều 20, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định: "*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ cao nhất bằng giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương*".

Căn cứ khoản 3 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai. "*Hộ gia đình cá nhân sử dụng đất do giao nhận khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng tiền, với mức hỗ trợ bằng 50% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt quá hạn mức diện tích giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2003*"

Thực hiện theo văn bản số 4579/UBND-ĐT ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho các trường hợp nhận hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng với ban quản lý rừng phòng hộ L quản lý "chấp thuận cho UBND huyện L áp dụng quy định tại Điều 25 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai để tính hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho các trường hợp được giao khoán đất lâm nghiệp mà theo hợp đồng cũ trước đây có nội dung là bảo vệ rừng (có xác nhận lại của Ban quản lý rừng phòng hộ L) bằng văn bản; các trường hợp nhận chuyển nhượng hợp đồng được Ban quản lý rừng phòng hộ L xác nhận".

Ngày 11/6/2014, Ban quản lý rừng phòng hộ L có văn bản số 273/CV-BQL. Theo đó, nêu nội dung xác nhận các trường hợp chưa lập lại hợp đồng do đang thực hiện phúc tra chuyển đổi hợp đồng theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP và các trường hợp nhận khoán bảo vệ rừng, gây trồng rừng sản xuất thì đủ điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 5 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/5/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Từ cơ sở trên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L đã lập phương án hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất hình thức hỗ trợ bằng tiền với mức hỗ trợ 50% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi 8.563m^2 x 60.000 đồng/m^2 x 50% = 256.890.000 đồng cho anh Võ Văn S và được UBND huyện L phê duyệt tại quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 là đúng quy định. Đồng thời, ngày 31/12/2014 anh S đã nhận tiền hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thi công dự án không có khiếu nại gì.

Ngày 18/9/2015, UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản số 7548/UBND-ĐT về việc xử lý vướng mắc dự án khu xử lý chất thải do Công ty TNHH T thực hiện tại xã B, huyện L. UBND tỉnh Đồng Nai đã chấp thuận cho UBND huyện L căn cứ Điều 31 Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai để thực hiện hỗ trợ khác do chủ đầu tư cam kết hỗ trợ bổ sung bằng 25% giá trị bồi thường đất cho các hộ gia đình trong đó có hộ của anh Võ Văn S.

Ngày 04/12/2015, UBND huyện L giao trách nhiệm Trung tâm phát triển quỹ đất tại Văn bản số 6764/UBND-KT. Theo đó, UBND huyện L giao Trung tâm phát triển quỹ đất áp giá lập phương án hỗ trợ khác cho các hộ dân nhận khoán nêu trên.

Ngày 03/02/2016, UBND huyện L ban hành Quyết định số 643/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho các hộ dân nhận khoán bảo vệ rừng, nhận chuyển nhượng hợp đồng nhận khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ L thuộc dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã B 8.563m^2 x 60.000đồng/m^2 x 25% = 128.445.000 đồng. Căn cứ Điều 15, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 08/4/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh L phối hợp với UBND xã B tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã B và Ban ấp 7 và phổ biến trên hệ thống truyền thanh của xã.

Ngày 22/02/2016, 07/3/2016 và 14/4/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai – chi nhánh huyện L có Văn bản số 81/CV-TTPTQĐ; Văn bản số 121/CV—TTPTQĐ và Văn bản số 265/CV-TTPTQĐ về việc đề nghị Công ty TNHH T chuyển tiền bồi thường dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác tại UBND xã B nhưng đến nay Công ty vẫn chưa chuyển tiền cho các hộ dân.

Anh S yêu cầu hỗ trợ theo quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 5/4/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai là không có căn cứ, Quyết định thu hồi đất của UBND

tỉnh ban hành năm 2011 và đất anh S quản lý theo hợp hợp đồng giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ nên UBND huyện L căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ cho anh S là đúng quy định pháp luật, anh S đã nhận tiền hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư.

Sau đó thực hiện theo công văn số 7548/UBND-ĐT ngày 18/9/2015 UBND tỉnh Đồng Nai anh Võ Văn S được hỗ trợ thêm 8.563m^2 x 60.000đồng/m^2 x 25% = 128.445.000 đồng. Như vậy việc hỗ trợ cho anh S là hoàn toàn thỏa đáng.

Việc anh Võ Văn S yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 3018/QĐ_UBND ngày 27/6/2014 và người đại diện theo ủy quyền của anh S yêu cầu hủy Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND huyện L và UBND huyện L phải bồi thường số tiền 926.015.000 đồng là không có cơ sở xem xét.

Tại bản tự khai 20/7/2015 và đơn đề nghị ngày 28/7/2016 của ông Vũ Thanh B là người đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ L trình bày:

Diện tích đất của anh Võ Văn S đang tổ chức sản xuất là đất công do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L quản lý tại quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 25/9/1978.

Anh S được Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L đồng ý giao khoán để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo Nghị định 01/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính Phủ tại biên bản lập ngày 16/5/2003. Hiện anh S chưa có hợp đồng nguyên nhân do việc chuyển đổi hợp đồng giao khoán từ Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 04/01/1995 sang Nghị định 135/2015/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính Phủ phải thực hiện theo quyết định phê duyệt phương án của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt. Vì vậy Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L chưa lập được hợp đồng giao khoán cho anh S theo Nghị định 135/2015/NĐ-CP ngày 08/11/2005.

Về bàn giao đất cho Dự án xử lý rác thải: Theo thông báo số 5140/TB-UBND ngày 28/6/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư nhà máy xử lý rác thải tại xã B, Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L đã bàn giao xong diện tích thu hồi cho chủ đầu tư theo đúng quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai.

Việc giải quyết tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất không thuộc trách nhiệm của Ban, theo quy định tại văn bản số 3023/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 11/8/2010 của Bộ tài nguyên Môi trường, Ban quản lý rừng phòng hộ đã lập công văn số 490/CV- BQL ngày 09/12/2010 gởi cho Hội đồng bồi thường huyện L về

trường hợp của anh S. Anh S không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, mà chỉ là đối tượng nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp do đó chỉ được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Thẩm quyền thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội của Ban quản lý rừng phòng hộ L thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ông B xin vắng mặt khi giải quyết vụ án và khi xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị H trình bày:

Chị là vợ của anh S, chị thống nhất với yêu cầu khiếu kiện liên quan đến việc hỗ trợ do thu hồi diện tích đất 8.563m^2 tại xã B vợ chồng chị đang quản lý.

Chị yêu cầu vắng mặt không tham gia tố tụng trong vụ kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T, bà H ,cháu C, cháu Đ, cháu B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc và cũng không có ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T, bà H, chị T, cháu Đ, C, B không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn S là không đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận, đề nghị nên Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử vụ án hành chính nhận thấy:

[1].Về tố tụng: tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần môi trường T (trước đây tên gọi là Công ty trách nhiệm hữu hạn T); chị T, bà H, cháu C, cháu Đ, cháu B (anh S, chị T là người đại diện hợp pháp) vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Tấn H, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ L ông Vũ Thanh Bcó đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 158 Luật tố tụng hành chính năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2].Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Võ Văn S nhận quyết định 3018/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND huyện L vào ngày 31/12/2014 đến ngày 20/3/2015 anh S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện L, cho rằng quyết định này trái pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình anh.

Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 thì các vụ án hành chính phát sinh trước ngày 01/7/2016 thì áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 104 của Luật tố tụng hành chính số 64/2010/QH12; tại khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính số 64/2010/QH12 quy định thời hiệu khởi kiện của anh Võ Văn S trên là 1 năm kể ngày nhận được hoặc biết được quyết định mà anh cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm nên đơn khởi kiện của anh S còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015 thì: "*Khiếu kiện hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cùng địa giới hành chính với Tòa án*" thì thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh. Anh S khởi kiện quyết định của Ủy ban nhân dân huyện L theo quy định trên thuộc thẩm quyền cấp tỉnh nhưng căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 thì: " *Đối với những khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã được Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý giải quyết trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 thì Tòa án đã thụ lý tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không chuyển cho Tòa án cấp tỉnh giải quyết"*. Do đó Tòa án nhân dân huyện L tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 29 Luật tố tụng hành chính số 64/2010/QH12.

[3].Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung Quyết định 3018/QĐ- UBND:

Anh Võ Văn S khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 cho rằng quyết định này chỉ hỗ trợ 50% là giá đất được bồi thường là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 5 quyết định số 20/2010/QĐ ngày 05/4/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai. Theo quy định này anh S phải được hỗ trợ 75% nên đề nghị hỗ trợ thêm 25% là 128.445.000 đồng. Đồng thời yêu cầu được hỗ trợ thêm trợ cấp gạo cho 7 nhân khẩu là 18.900.000 đồng, thưởng chấp hành tốt việc thu hồi đất là 8.000.000 đồng và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 770.670.000 đồng; tổng cộng: 926.015.000 đồng.

Tại phiên tòa ông C có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hai khoản hỗ trợ 25% giá trị đất và trợ cấp gạo, yêu cầu bổ sung về việc hủy quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 và quyết định 1809/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của UBND huyện L. Xét trong hợp đồng ủy quyền ngày 13/3/2015 anh S chỉ ủy quyền cho ông C toàn quyền quyết định trong việc khởi kiện quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 không ủy quyền nội dung khác nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo nội dung đơn khởi kiện của anh S.

Xét thấy phần đất anh S canh tác thuộc thửa đất số 407b tờ bản đồ số 20 xã B là đất công do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ L quản lý tại quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 25/9/1978. Ban quản lý rừng phòng hộ L giao khoán đất cho ông Trương Bvà ông B chuyển nhượng hợp đồng giao khoán cho mẹ anh S là bà Nguyễn Thị Kim H, sau đó bà Hoa giao lại cho anh S canh tác để sử dụng vào mục đích nhận khoán rừng, lâm nghiệp theo Nghị định 01/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính Phủ. Anh S cũng xác định nội dung này không khiếu nại gì về việc bồi thường về đất nên hộ anh Võ Văn S không thuộc đối tượng thu hồi đất mà chỉ là đối tượng nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp nên anh S đề nghị căn cứ quyết định số 20/2010/QĐ ngày 05/4/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ cho anh S các khoản tiền như anh yêu cầu là không đúng quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ khoản 3 Điều 20 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và khoản 3 Điều 5 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai để ban hành quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ anh Võ Văn S với mức hỗ trợ 50% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi là có căn cứ.

[4].Về tính hợp pháp và có căn cứ của văn bản hành chính có liên quan quyết định số 3018/QĐ-UBND:

Sau khi có thông báo số 5140/TB-UBND ngày 28/6/2010 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định thu hồi và giao đất số 3071/QĐ – UBND ngày 18/11/2011. Đến ngày 26/6/2014 UBND huyện L đã ban hành quyết định 2853/QĐ- UBND phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ dân là đúng trình tự quy định tại Điều 39,43 Luật đất đai năm 2003 và Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết vụ án UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản số 7548/UBND- ĐT ngày 18/9/2015 chấp thuận cho UBND huyện L hỗ trợ bổ sung 25% giá trị đất cho 13 hộ gia đình (trong đó có hộ anh S)

Ngày 03/02/2016 UBND huyện L ban hành quyết định số 643/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho các hộ dân có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng, nhận chuyển nhượng hợp đồng nhận khoán của Ban quản lý rừng

phòng hộ L thuộc dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã B, huyện L. UBND huyện L ban hành quyết định số 1809/QĐ –UBND ngày 11/5/2016 số tiền anh S được hỗ trợ thêm 25% là 128.445.000 đồng.

Tòa án đã có thông báo số 348/TB.TA ngày 02/6/2016 cho các đương sự biết về quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 anh S đã nhận được thông báo trên vào ngày 8/6/2016, đến ngày 11/5/2016 UBND huyện L ban hành quyết định số 1809/QĐ –UBND anh S đã nhận vào ngày 13/6/2016 nhưng cho đến nay anh S không có yêu cầu khởi kiện bổ sung về quyết định số 1809/QĐ –UBND.

So với yêu cầu khởi kiện của anh S thì quyết định số 3018/QĐ-UBND và quyết định số 1809/QĐ –UBND đã hỗ trợ đúng yêu cầu của anh S là 75% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi. Theo đúng quy định pháp luật hộ anh S chỉ được nhận 50% giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, quyết định 1809/QĐ –UBND ngày 11/5/2016 chỉ là số tiền hỗ trợ khác mà chủ đầu tư là Công ty cổ phần T hỗ trợ thêm cho hộ anh S, anh S cũng không có ý kiến khiếu nại gì về quyết định này nên không xét.

Từ những nhận định trên nhận thấy UBND huyện L ban hành quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 "Về việc hỗ trợ hộ ông (bà) Võ Văn S có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng, nhận chuyển nhượng hợp đồng khoán của BQL rừng phòng hộ L thuộc dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác thải tại xã B, huyện L" và Quyết định 1809/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 "v/v: phê duyệt hỗ trợ khác cho hộ ông (bà) Võ Văn S hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng, nhận chuyển nhượng hợp đồng nhận khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ L thuộc dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác tại xã B" là đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử, xử bác yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn S.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không được chấp nhận nên anh Võ Văn S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29 và Điều 104 Luật tố tụng hành chính số 64/2010/QH12.

Căn cứ Điều 158, Điều 193 Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13; Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 về việc thi hành luật tố tụng hành chính của Quốc hội.

Căn cứ Điều 39, 43 Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện anh Võ Văn S về yêu cầu hủy quyết định hành chính số 3018/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai "v/v hỗ trợ cho hộ ông (bà) Võ Văn S có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng, nhận chuyển nhượng hợp đồng khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ L thuộc dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác thải tại xã B, huyện L"; và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L hỗ trợ thêm số tiền là 926.015.000 đồng.

Về án phí: án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng anh Võ Văn S phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 006708 ngày 20/4/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Anh S đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Võ Văn S được quyền làm đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ủy ban nhân dân huyện L, Công ty cổ phần môi trường T, Ban quản lý rừng phòng hộ L, bà Nguyễn Thị Kim H, chị Huỳnh Thị H, cháu Võ Quốc C, cháu Võ Quốc Đ, cháu Võ Quốc B được quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND H.Long Thành;
- CCTHADS H.Long Thành;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Phụng